

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ
cấp thành phố và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh
phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCHN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của
Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn
phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
có sử dụng ngân sách nhà nước;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức chi làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện và quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố và cấp cơ sở.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức chi làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố và cấp cơ sở

1. Chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Tiền thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ: 40 triệu đồng/người/tháng; thành viên chính và thư ký: 32 triệu đồng/người/tháng; thành viên: 24 triệu đồng/người/tháng; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ: 19 triệu đồng/người/tháng. Hệ số lao động khoa học của các chức danh và dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): Dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày).

2. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

a) Thuê chuyên gia trong nước

- Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia để thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung công việc và dự toán thuê chuyên gia. Căn cứ lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

- Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này.

- Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải giải trình cụ thể lý do để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước xem xét, quyết định kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước

- Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ

nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo biên bản thương thảo nội dung yêu cầu công việc và mức thù lao chuyên gia giữa tổ chức đăng ký chủ trì và chuyên gia ngoài nước.

- Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này.

- Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 50% tổng kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải giải trình cụ thể lý do để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước xem xét, quyết định kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

c) Việc xác định các trường hợp áp dụng dự toán thuê chuyên gia vượt mức quy định nêu trên, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học

a) Người chủ trì: 2.000.000 đồng/buổi hội thảo;

b) Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 500.000 đồng/buổi;

c) Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 3.000.000 đồng/báo cáo;

d) Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo: 1.500.000 đồng/báo cáo;

đ) Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 300.000 đồng/thành viên/buổi.

4. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia và quy định pháp luật hiện hành.

5. Chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

6. Kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/nhiệm vụ.

7. Các khoản chi khác có liên quan đến việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có): Thực hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Điều 3. Mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi hợp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.500	1.350
	Phó chủ tịch hội đồng, thành viên hội đồng		1.000	900
	Thư ký khoa học		300	270
	Thư ký hành chính		300	270
	Đại biểu được mời dự		200	180
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500	450
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700	630
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		700	630

	Phó chủ tịch hội đồng, thành viên hội đồng		500	450
2	Chi tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi hợp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.800	1.620
	Phó chủ tịch hội đồng, thành viên hội đồng		1.500	1.350
	Thư ký khoa học		300	270
	Thư ký hành chính		300	270
	Đại biểu được mời dự		200	180
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		700	630
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		1.000	900
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi hợp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch Hội đồng		1.800	1.620
	Phó chủ tịch hội đồng, thành viên hội đồng		1.500	1.350
	Thư ký khoa học		300	270
	Thư ký hành chính		300	270
	Đại biểu được mời dự		200	180
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		

	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		700	630
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		1.000	900
4	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng	Chuyên gia	1.500	1.350

b) Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chi thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	1.000	900
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700	630
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300	270
4	Đại biểu được mời dự	Nhiệm vụ	200	180

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

a) Tổng mức chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm;

b) Các trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia tư vấn độc lập được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đánh giá sau khi giao

quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

5. Chi hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại khoản 3 Điều 2 Quyết định này.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố và các quy định khác tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2023 và thay thế Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố và cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- VP. Chính phủ (HN-TP.HCM);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục KTVB QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực TU;
- TT. HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP;
- UBND TP và các Đoàn thể TP;
- Ban Tuyên giáo TP;
- Ban KT-NS (HĐND TP);
- Các Sở, ban ngành TP;
- UBND quận, huyện;
- Báo Cần Thơ, Đài PTTH TP;
- VP UBND TP (2,3,7);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, HK.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Hà